

Bản án số: **08/2026/DS-ST**
Ngày 30/01/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quốc Hương.

Ông Phạm Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2025/TLST - DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-DS ngày 05/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp K, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp K, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

(Theo Hợp đồng ủy quyền số 02526/2025/CCGD ngày 06/9/2025)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Phương T, sinh năm 2001; cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B và bị đơn bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Phương T (bà L1 là mẹ của bà T) là chỗ quen biết thân thiết. Bà L1, bà T nhiều lần vay, mượn tiền của ông B, tính đến ngày 01/3/2021 tổng số tiền bà L1, bà T vay mượn của ông B là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Việc vay mượn tiền có lập thành văn bản vào ngày 01/3/2021, tại nhà bà L1, bà T với nội dung như sau:

Số tiền vay: 60.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 01/3/2021 đến ngày 01/9/2021, lãi suất 03%/tháng.

Bị đơn vay mượn tiền của nguyên đơn theo hình thức tín chấp, không cầm cố, không thế chấp tài sản. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nên nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Phương T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là: 60.000.000 đồng và tiền lãi suất theo thỏa thuận 3%/tháng = 36%/năm từ ngày 01/9/2021 đến ngày 23/01/2026 với số tiền lãi là: 94.980.000 đồng (chín mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng). Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 154.980.000 đồng (một trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy vay tiền ngày 01/3/2021 được ký kết giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B và bị đơn bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Phương T. Xác định giữa nguyên đơn và các bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản cụ thể bị đơn vay nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng. Thời hạn vay theo Giấy vay tiền các bên thỏa thuận từ ngày 01/3/2021 đến ngày 01/9/2021. Nguyên đơn yêu cầu lãi suất theo Giấy vay tiền là 03%/tháng, tức 36%/năm. Phần lãi suất vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn vượt quá 16%/năm so với mức lãi suất quy định pháp luật cho phép là 20%/năm đối với mức lãi suất trong hợp đồng vay tài sản. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Không chấp nhận phần lãi vượt quá mức lãi suất quy định pháp luật cho phép 20%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với các bị đơn tại Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp T, xã P, Thành phố

Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Các bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi suất theo thỏa thuận 3%/tháng từ ngày 01/9/2021 đến ngày 23/01/2026 với số tiền lãi là: 94.980.000 đồng (chín mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng). Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 154.980.000 đồng (một trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng).

[4.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Phương T1 được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét tài liệu chứng cứ “Giấy vay tiền” do nguyên đơn cung cấp (bút lục số 05) làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện có căn cứ xác định: Ngày 01/3/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B có cho bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Phương T vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 01/3/2021 đến ngày 01/9/2021. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Hợp đồng vay và số tiền vay là ý chí các bên và phù hợp với quy định pháp luật, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

[6] Về mức lãi suất, thời hạn tính lãi:

[6.1] Về thời hạn tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/9/2021 đến ngày 23/01/2026 là phù hợp quy định pháp luật, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.2] Về mức lãi suất: Tại Giấy vay tiền, nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng.

Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận*”.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

[6.3] Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận không phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn vượt quá 16%/năm so với mức lãi suất quy định pháp luật cho phép là 20%/năm. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất là có căn cứ chấp nhận một phần, không chấp nhận phần yêu cầu về lãi suất vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

[6.4] Số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn từ ngày 01/9/2021 đến ngày 23/01/2026, với lãi suất 3%/tháng trên số tiền gốc 60.000.000 = là 94.980.000đ (chín mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng).

[6.5] Số tiền lãi được Hội đồng xét xử chấp nhận tính từ ngày 01/9/2021 đến ngày 23/01/2026 là 04 năm 04 tháng 22 ngày, lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc 60.000.000 đồng = 52.733.000đ (năm mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng).

[6.6] Số tiền lãi không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 42.247.000đ (bốn mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Phương T.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 91, 147, 184, 186, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Các Điều 146, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B đối với các bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Phương T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Phương T phải thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B1 số tiền là 112.733.000đ (một trăm mười hai triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi 52.733.000đ (năm mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B đối với các bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Phương T2 việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với yêu cầu tính lãi suất với số tiền lãi không được chấp nhận là 42.247.000đ (bốn mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Các bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Phương T phải nộp số tiền 5.636.500 đồng (năm triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B phải nộp số tiền 2.112.000đồng (hai triệu, một trăm mười hai ngàn đồng) được khấu trừ số tiền 3.204.000 đồng (Ba triệu hai trăm lẻ bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027276 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.092.000đ (một triệu, không trăm chín mươi hai ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND khu vực 19;
- THADS Thành phố H;
- Phòng THADS khu vực 19 - Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Ân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Trung

Nguyễn Thị Nga

Nguyễn Thị Mùi